

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHÚC LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Phúc Lộc, ngày 31 tháng 12 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của UBND xã Phúc Lộc đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC LỘC**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐCP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026.*

*Căn cứ Nghị quyết số 38 /NQ-HĐND ngày 20/12/2025 của HĐND xã Phúc Lộc về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 xã Phúc Lộc;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 399/TTr- PKT ngày 31/12/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã năm 2026 sau kỳ họp thứ sáu Hội đồng nhân dân xã khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026 của UBND Xã Phúc Lộc.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

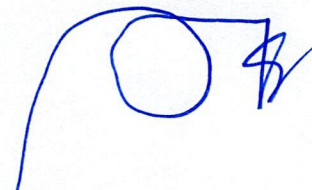
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn xã, có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở tài chính; (B/c)
- TT. Đảng uỷ, HĐND, UBND xã; (B/c)
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VP, KT(Bích).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Oanh**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 2026***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31 /12/2025 của UBND xã Phúc Lộc)**Đơn vị: Nghìn đồng*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>139.407.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>134.655.000</b>
<b>I. Các khoản thu xã hưởng 100%</b>	872.000	<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	2.207.000
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</b>	3.880.000	<b>II. Chi thường xuyên</b>	130.038.000
<b>III. Thu bổ sung</b>	<b>134.655.000</b>	<b>III. Dự phòng</b>	2.410.000
- Bổ sung cân đối	97.032.000		
- Bổ sung có mục tiêu	37.623.000		
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31 /12/2025 của UBND xã Phúc Lộc)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Ghi chú
		Thu NS NN	Thu NS xã	
A	B	3	4	
	<b>TỔNG THU</b>	<b>139.555.000</b>	<b>139.407.000</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>932.000</b>	<b>872.000</b>	
-	Phí, lệ phí	702.000	662.000	
-	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			
-	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			
-	Đóng góp của nhân dân theo quy định			
-	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
-	Thu khác	230.000	210.000	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</b>	<b>3.968.000</b>	<b>3.880.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>0</b>		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất			
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			
<b>2</b>	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>3.968.000</b>	<b>3.880.000</b>	
-	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.300.000	2.300.000	
-	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	8.000		
-	Thuế thu nhập cá nhân	200.000	200.000	
-	Lệ phí trước bạ	1.100.000	1.100.000	
-	Thu tiền sử dụng đất	300.000	229.000	
	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	60.000	51.000	
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>			
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>134.655.000</b>	<b>134.655.000</b>	
-	Bổ sung cân đối ngân sách	97.032.000	97.032.000	
-	Bổ sung có mục tiêu	37.623.000	37.623.000	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Phúc Lộc)**Đơn vị: Nghìn đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ 1=2+3	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2	THƯỜNG XUYÊN 3
A	B			
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>134.655.000</b>	<b>2.207.000</b>	<b>132.448.000</b>
	Trong đó	134.655.000	2.207.000	132.448.000
1	Chi quốc phòng, An Ninh	3.329.000		3.329.000
2	Chi giáo dục	77.824.900		77.824.900
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	553.000		553.000
4	Chi y tế	0		
5	Chi văn hóa, thông tin	270.000		270.000
6	Chi thể dục thể thao	180.000		180.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	135.000		135.000
8	Chi bảo vệ môi trường	578.700		578.700
9	Chi các hoạt động kinh tế	8.429.000	2.207.000	6.222.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	27.171.000		27.171.000
11	Chi cho công tác xã hội	11.516.000		11.516.000
12	Chi khác	2.258.400		2.258.400
13	Dự phòng ngân sách	2.410.000		2.410.000

**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Phúc Lộc)

ĐVT: Nghìn đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025				KẾ HOẠCH NĂM 2026			
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)		
1	2	3	4	5	6	7		
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>289.733</b>	<b>0</b>	<b>289.733</b>	<b>90.000</b>	<b>170.000</b>	<b>-80.000</b>		
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	289.733	0	289.733	90.000	170.000	-80.000		
Quỹ Vì người nghèo	42.622		42.622	15.000	40.000	-25.000		
Quỹ Khuyến học	34.616		34.616	15.000	30.000	-15.000		
Quỹ Chữ thập đỏ	29.171		29.171	15.000	20.000	-5.000		
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	17.404		17.404	15.000	20.000	-5.000		
Quỹ chất độc da cam	34.656		34.656	0	0	0		
Quỹ Bảo trợ trẻ em	46.230		46.230	15.000	30.000	-15.000		
Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	80.640		80.640	15.000	30.000	-15.000		
Quỹ xoá đói giảm nghèo	4.394		4.394	0	0	0		

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi